

Số: /TTr-STC
“Dự thảo”

Lai Châu, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Tờ trình trình Hội đồng nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, thực hiện Công văn số 1633/UBND-KTN ngày 17/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật Đất đai và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành; Sở Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức xây dựng Dự thảo Nghị quyết quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu, Sở Tài chính trình UBND tỉnh ban hành Tờ trình trình HĐND tỉnh Dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;
- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;
- Luật Đất đai ngày 18/01/2024;
- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;
- Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 về danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của

các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ; Số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

* Khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất quy định:

“15. Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai mà đáp ứng một trong hai điều kiện: Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định; dự án phi lợi nhuận...”

Tại điểm a khoản 7 Điều 48 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định trách nhiệm của UBND tỉnh như sau:

“7. Có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:

a) Chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai mà đáp ứng một trong hai điều kiện: Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định; dự án phi lợi nhuận theo quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định này.”

Do đó, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Cơ sở thực tiễn

Tỉnh Lai Châu chưa ban hành quy định riêng về việc ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất đối với các dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa, dự án phi lợi nhuận (hiện nay Tỉnh đang thực hiện theo quy định chung tại các Nghị định, Thông tư có liên quan).

Trên địa bàn tỉnh Lai Châu hiện có các dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa được các nhà đầu tư quan tâm hoặc mời gọi nhà đầu tư quan tâm như: Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe tại huyện Than Uyên; Nhà máy nước thị trấn Phúc Than tại huyện Than Uyên; Nhà máy nước xã Mường Kim tại huyện Than Uyên; Cơ sở xử lý chất thải rắn cấp huyện Than Uyên; Hạ tầng cấp nước ở khu vực khu vực Sơn Bình, Bình Lư tại huyện Tam Đường; Cơ sở xử lý chất thải rắn tại huyện Tam Đường; Nhà máy xử lý rác thải tại thành phố Lai Châu; Trường trung cấp nghề tư thục tại thành phố Lai Châu (Đã được HĐND tỉnh quyết định danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư có sử dụng đất tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22/4/2025), Bệnh viện tư nhân tại huyện Tân Uyên... và các dự án phi lợi nhuận. Tuy nhiên hiện Tỉnh chưa có chính sách riêng về ưu đãi miễn tiền thuê đất cho các dự án đầu tư xã hội hóa, dự án phi lợi nhuận với tính chất, mục tiêu là an sinh xã hội, phục vụ xã hội, bảo vệ môi trường để thu hút các nhà đầu tư đầu tư. Do đó việc ban hành quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án lĩnh vực xã hội hóa, dự án phi lợi nhuận là thiết thực.

Căn cứ theo các quy định nêu trên, cần thiết ban hành quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của tỉnh Lai Châu.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Cụ thể hóa khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ; tạo cơ sở pháp lý để ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu mà đáp ứng một trong hai điều kiện: Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định; dự án phi lợi nhuận. Góp phần thu hút các nhà đầu tư đầu tư đầu tư vào

lĩnh vực xã hội hóa, phi lợi nhuận với tính chất, mục tiêu là an sinh xã hội, phục vụ xã hội, bảo vệ môi trường.

2. Quan điểm xây dựng Dự thảo Nghị quyết

- Tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

- Việc xây dựng nghị quyết bảo đảm tính hợp pháp, tuân thủ quy định của Luật Đất đai, Luật Đầu tư, các Nghị định của Chính phủ; đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương; bảo đảm tính phù hợp, nâng cao tính hiệu quả, khả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng trong thực tiễn.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức soạn thảo Dự thảo Nghị quyết quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Ngày .../.../2025, Sở Tài chính ban hành Công văn số .../STC-QLND&ĐKKD gửi các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,... về việc lấy ý kiến góp ý đối với hồ sơ Dự thảo Nghị quyết quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Đồng thời, hồ sơ Dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính và thực hiện truyền thông dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định. Đến nay có ... ý kiến của các đơn vị tham gia, trong đó ... ý kiến nhất trí với dự thảo và ... ý kiến tham gia điều chỉnh, bổ sung Dự thảo Nghị quyết.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính đã rà soát, tiếp thu đề chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định. Sở Tư pháp đã có ý kiến thẩm định tại Báo cáo thẩm định số .../BC-STP ngày.../.../2025, Sở Tài chính đã rà soát, tiếp thu và hoàn chỉnh Dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) *Phạm vi điều chỉnh*: Nghị quyết quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu mà đáp ứng một trong hai điều kiện: Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định (gọi tắt là *dự án đầu tư xã hội hóa*); dự án phi lợi nhuận.

(*Danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa hiện được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại các Quyết định: Số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 về danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ; Số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ*).

b) *Đối tượng áp dụng*:

- Cơ quan, đơn vị thực hiện việc quản lý, tính, thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh.
- Tổ chức, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất và được miễn tiền thuê đất theo quy định của Nghị quyết này.
- Các cá nhân, tổ chức khác có liên quan đến việc miễn tiền thuê đất.

2. Bố cục của Dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được bố cục theo hình thức quy định trực tiếp, gồm 07 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Điều 3: Nguyên tắc áp dụng chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất

Điều 4: Chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất

Điều 5: Quy định về chuyển tiếp

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Điều 7. Điều khoản thi hành

3. Nội dung cơ bản

Nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị quyết là quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai mà đáp ứng một trong hai điều kiện: Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định; dự án phi lợi nhuận.

Theo quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ thì chế độ ưu đãi được quy định theo nguyên tắc: Mức tối đa là miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê, mức tối thiểu bằng mức ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất

Nguyên tắc áp dụng chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất thực hiện theo Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

(1). Không áp dụng miễn tiền thuê đất theo quy định của Điều 4 Nghị quyết này đối với các dự án đầu tư xã hội hóa, dự án phi lợi nhuận trong trường hợp dự án sử dụng đất thương mại, dịch vụ; dự án được Nhà nước cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

(2). Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) và địa bàn ưu đãi đầu tư được xác định theo quy định của pháp luật về đầu tư.

(3). Người sử dụng đất không được tính tiền thuê đất được miễn vào giá thành sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho xã hội.

Điều 4. Chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất

(1). Dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) trên địa bàn tỉnh Lai Châu là dự án đầu tư xã hội hóa: Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

(2). Dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) trên địa bàn tỉnh Lai Châu là dự án phi lợi nhuận: Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời hạn thuê.

Cơ sở đề xuất chế độ ưu đãi:

- Về đề xuất ưu đãi miễn tiền thuê đất áp dụng mức chung đối với tất cả địa bàn tỉnh Lai Châu (không phân chia theo địa bàn): Theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ thì toàn bộ tỉnh Lai Châu là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề xuất tất cả địa bàn tỉnh đều áp dụng một mức chung về ưu đãi miễn tiền thuê đất. Ngoài ra, sắp tới thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp (bỏ chính quyền/địa bàn theo huyện và tiến hành sáp xã, phường, thị trấn thành xã, phường có quy mô, diện tích lớn hơn) nên việc không phân chia theo địa bàn sẽ thuận lợi trong quá thực hiện.

- Về đề xuất mức ưu đãi miễn tiền thuê đất: Trên cơ sở nguyên tắc chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ: mức tối đa là miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê, mức tối thiểu bằng mức ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP; đồng thời toàn bộ tỉnh Lai Châu là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (đã nêu ở trên) nên đề xuất mức ưu đãi như sau:

+ Áp dụng mức ưu đãi tối đa đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) là dự án phi lợi nhuận (*Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời hạn thuê*) để thu hút các dự án đầu tư không vì mục đích tạo ra giá trị thặng dư, thu về lợi nhuận, nhằm hướng tới cộng đồng và tạo ra giá trị cho xã hội.

+ Áp dụng mức ưu đãi gần như là tối đa đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) là dự án đầu tư xã hội hóa (*Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản*); mức này tương đương với mức miễn thuế thuê đất đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thực hiện các dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (quy định tại điểm e khoản 3 Điều 39 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ) để thu hút các dự án đầu tư với tính chất, mục tiêu là an sinh xã hội, phục vụ xã hội, bảo vệ môi trường.

- Việc đề xuất mức ưu đãi miễn tiền thuê đất có sự khác nhau giữa dự án phi lợi nhuận (*Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời hạn thuê*) và dự án đầu tư xã hội hóa (*Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản*) để phân định giữa dự án an sinh xã hội nhưng không thu về lợi nhuận và dự án an sinh xã hội nhưng vẫn có thu về lợi nhuận.

Điều 5. Quy định về chuyển tiếp

Trường hợp người sử dụng đất thuộc Điều 1 Nghị quyết này đang được hưởng ưu đãi về miễn tiền thuê đất cao hơn quy định của Nghị quyết này thì tiếp tục được hưởng mức ưu đãi cho thời gian còn lại; trường hợp mức ưu đãi thấp hơn quy định tại Nghị quyết này thì được hưởng theo quy định tại Nghị quyết này của thời hạn ưu đãi còn lại kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành; trường hợp đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà đã hết thời gian được hưởng ưu đãi thì không thực hiện ưu đãi theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Điều 7. Điều khoản thi hành

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực

a) Dự kiến nguồn nhân lực thực hiện: Sử dụng nguồn nhân lực sẵn có của cơ quan quản lý về đất đai, cơ quan thuế.

b) Dự kiến nguồn kinh phí để triển khai Nghị quyết: Sau khi Nghị quyết được thông qua, dự kiến kinh phí thực thi được thực hiện lồng ghép trong ngân sách chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị theo *(kinh phí tuyên truyền, phổ biến, soạn thảo văn bản triển khai thực hiện, ...)*.

2. Các điều kiện đảm bảo thi hành Nghị quyết

a) Ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện: Sau khi Nghị quyết được thông qua, UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết.

b) Tổ chức thực thi Nghị quyết sau khi ban hành

- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh gửi Nghị quyết đến Văn phòng UBND tỉnh để đăng công báo tỉnh.

- Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Thuế khu vực IX và các đơn vị có liên quan thực hiện tuyên truyền, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của đơn vị và phổ biến đến các cá nhân, đơn vị trực thuộc để thực hiện.

3. Thời gian dự kiến trình thông qua Nghị quyết

Căn cứ vào quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, trên cơ sở hồ sơ xây dựng Dự thảo Nghị quyết, Sở Tài chính dự kiến trình UBND tỉnh xem xét để trình HĐND tỉnh thông qua vào kỳ họp tổ chức vào tháng 7 năm 2025.

Hồ sơ kèm theo Tờ trình gồm:

- (1) Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.
 - (2) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.
 - (3) Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến Dự thảo Nghị quyết.
 - (4) Bản so sánh, thuyết minh nội dung Dự thảo Nghị quyết.
 - (5) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.
 - (6) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp.
 - (7) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.
- Sở Tài chính kinh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLDN&ĐKKD.

Q. GIÁM ĐỐC**Lê Tuấn Anh**